

INCLUSIVE EDUCATION POLICY FOR PERSONS WITH DISABILITY IN VIETNAM

Nguyen Xuan Hai^{*1}, Bui Minh Hien²,
Nguyen Thi Thu Hang³ and Le Thi Thuy Hang⁴

¹*Journal of Sciences, Hanoi Metropolitan
University, Hanoi city, Vietnam*

²*Faculty of Education Management, Hanoi National
University of Education, Hanoi city, Vietnam*

³*Council of National Education Academy
Management, Hanoi city, Vietnam*

⁴*Center of Supporting and Developing
Inclusive Education, National College of
Education, Hanoi city, Vietnam*

^{*}Corresponding Author: Nguyen Xuan Hai
Email: nxhai@daihocthudo.edu.vn

Received February 14, 2024.

Revised February 28, 2025.

Accepted March 28, 2025.

Abstract. The inclusive education policy for persons with disabilities has always interested policymakers and researchers. However, domestic research on this topic remains limited. In Vietnam, the formulation and implementation of inclusive education policies for persons with disabilities have largely relied on general policy development frameworks and expert consultations rather than grounded, specialized research. This article explores key terms related to the topic, analyzes the characteristics of the inclusive education policies for persons with disabilities, and outlines the stages involved in the policy-making process. It further evaluates the impact of these policies on persons with disabilities and offers policy orientations for the current context in Vietnam. The findings aim to contribute to a more comprehensive understanding of inclusive education and to inform future policy development that better meets the needs of this vulnerable population.

Keywords: policy, educational institutions, inclusive education, teacher, person with disabilities.

CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC HOÀ NHẬP ĐỐI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT Ở VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Hải^{*1}, Bùi Minh Hiền²,
Nguyễn Thị Thu Hằng³ và Lê Thị Thúy Hằng⁴

¹*Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Thủ đô
Hà Nội, thành phố Hà Nội, Việt Nam*

²*Khoa Quản lý giáo dục, Trường Đại học Sư phạm
Hà Nội, thành phố Hà Nội, Việt Nam*

³*Hội đồng trường, Học viện Quản lý giáo dục,
thành phố Hà Nội, Việt Nam*

⁴*Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập,
Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương,
thành phố Hà Nội, Việt Nam*

^{*}Tác giả liên hệ: Nguyễn Xuân Hải
Email: nxhai@daihocthudo.edu.vn

Ngày nhận bài: 14/2/2024.

Ngày sửa bài: 28/2/2025.

Ngày nhận đăng: 28/3/2025.

Tóm tắt. Chính sách giáo dục hoà nhập đối với người khuyết tật luôn được các nhà hoạch định chính sách thuộc lĩnh vực quan tâm nghiên cứu, tuy nhiên, đến nay chưa có nhiều công trình nghiên cứu của các tác giả trong nước về vấn đề chính sách giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật khi việc xây dựng và ban hành các chính sách về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật chủ yếu dựa trên cách xây dựng và ban hành một chính sách nói chung và ý kiến của các chuyên gia, các nhà khoa học và các bên liên quan. Nội dung bài viết tập trung đưa ra một số thuật ngữ liên quan đến vấn đề nghiên cứu, phân tích đặc điểm của chính sách giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật, quá trình chính sách giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật, tác động chính sách giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật, đồng thời đưa ra một số định hướng chính sách giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật Việt Nam giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: chính sách, cơ sở giáo dục, giáo dục hoà nhập, giáo viên, người khuyết tật.

1. Mở đầu

Từ thập kỉ 60, 70 thế kỉ XX, thế giới đã có nhiều phong trào về quyền của người khuyết tật. Sang thập kỉ 80, 90 có những cam kết toàn cầu về sự bình đẳng cơ hội của người khuyết tật,... Các tuyên bố, tuyên ngôn quốc tế đã lần lượt ra đời, ghi nhận quyền của người khuyết tật về cơ hội bình đẳng giáo dục.

Hiệp ước Quốc tế các quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hoá (1966) đề cập đến nguyên tắc công bằng, nhấn mạnh đến trách nhiệm của các Chính phủ trong việc đảm bảo cho mọi trẻ em được tiếp cận giáo dục với một chất lượng có thể chấp nhận. Hiệp ước chỉ rõ, Quyền được giáo dục là một điều tiên quyết để phát triển con người và cơ bản cho phẩm chất con người. Tất cả mọi người, không kể là có khả năng lĩnh hội học tập hay không đều có quyền được hưởng một nền giáo dục.

Giáo dục hòa nhập (GDHN) là xu thế tất yếu của thời đại và được hầu hết các quốc gia trên thế giới thực hiện. Việt Nam là quốc gia thực hiện GDHN đối với người khuyết tật từ những năm đầu 1990 bằng các dự án thí điểm ở một số địa phương trong toàn quốc [1]. Bắt đầu từ năm học 2002-2003, GDHN chính thức được Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) coi là phương thức chủ yếu để thực hiện quyền của người khuyết tật về cơ hội bình đẳng giáo dục. Với định hướng này, Việt Nam đã ký và cam kết thực hiện hàng loạt các văn bản quốc tế, đồng thời ban hành một hệ thống chính sách về giáo dục người khuyết tật nói chung, GDHN đối với người khuyết tật, điển hình như Luật Người khuyết tật (2010), Nghị định số 28/2012/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật,... Tuy nhiên, đến nay việc xây dựng và ban hành các chính sách về GDHN đối với người khuyết tật chủ yếu dựa trên cơ sở ý kiến của các chuyên gia, các nhà khoa học và các bên liên quan. Có nhiều công trình nghiên cứu về giáo dục hòa nhập ở trong nước, chẳng hạn như: *Giáo trình Giáo dục hòa nhập* của tác giả Bùi Thị Lâm – Hoàng Thị Nho (2012) [2]; Lê Thị Bắc Lý, Bùi Thị Lâm, Hoàng Thị Nho (2023), *Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở trường mầm non*, [3];... Đồng thời, chỉ có số ít công trình nghiên cứu của các tác giả trong nước về vấn đề chính sách GDHN đối với người khuyết tật, như: *Inclusion in Vietnam: More than a Quarter Century of Implementation* của Hai Nguyen Xuan, Richard A. Villa và các tác giả (2020) [4], “Chính sách giáo dục hòa nhập ở Việt Nam” của Phạm Lê Cường và Nguyễn Văn Hưng trên *Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam* (2023) [5], *Áp dụng thiết kế tổng thể cho việc học tập trong vận dụng và triển khai chính sách giáo dục hòa nhập ở Việt Nam – Thực trạng và giải pháp* của Đỗ Thị Thảo và các tác giả (12/2024) [6],...

Nội dung bài viết đưa ra một số thuật ngữ liên quan đến vấn đề nghiên cứu, phân tích đặc điểm của chính sách GDHN đối với người khuyết tật, nội dung quá trình chính sách GDHN đối với người khuyết tật, tác động chính sách GDHN đối với người khuyết tật, đồng thời đưa ra một số định hướng chính sách GDHN đối với người khuyết tật Việt Nam giai đoạn hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm

2.1.1. Chính sách giáo dục

Từ điển Bách khoa Việt Nam (2011) [7], chính sách là những chuẩn tắc cụ thể thực hiện đường lối nhiệm vụ. Chính sách được thực hiện trong một thời gian nhất định, trên những lĩnh vực cụ thể nào đó. Bản chất, nội dung và phương hướng của chính sách mang thuộc tính đường lối. Chính sách là văn bản súc tích, chính thống chỉ ra một tổ chức sẽ hoạt động như thế nào. Chính sách được phê duyệt chính thức và chi phối việc ra quyết định của tổ chức. Tổ chức cam kết rõ ràng việc nỗ lực để đạt được những nội dung trong chính sách. Chính sách luôn sẵn sàng đương đầu với thách thức đối với sự thay đổi của thực tiễn nếu không nói là thường xuyên phải đối đầu. Chính sách là một văn bản công khai.

Có thể hiểu, chính sách là sự thể hiện quan điểm, đường lối với tập hợp các biện pháp can thiệp được thể chế hóa mà Nhà nước đưa ra nhằm đạt được mục tiêu quản lí của mình.

Trong lĩnh vực giáo dục, *chính sách giáo dục là sự thể hiện quan điểm, đường lối với tập hợp các biện pháp can thiệp về giáo dục được thể chế hóa của Nhà nước, ngành GD&ĐT đưa ra nhằm đạt được mục tiêu quản lý thuộc lĩnh vực GD&ĐT* [8;14-31].

2.1.2. Người khuyết tật và GDHN đối với người khuyết tật

Theo *Luật Người khuyết tật* (2010) [9], *người khuyết tật là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn*. Có các dạng tật gồm: 1) Khuyết tật vận động; 2) Khuyết tật nghe, nói; 3) Khuyết tật nhìn; 4) Khuyết tật thần kinh, tâm thần; 5) Khuyết tật trí tuệ; 6) Khuyết tật khác. Người khuyết tật được chia theo mức độ khuyết tật: 1) Khuyết tật đặc biệt nặng là người do khuyết tật dẫn đến không thể tự thực hiện một số việc phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày; 2) Người khuyết tật nặng là người do khuyết tật dẫn đến không thể thực hiện một số việc phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày; 3) Người khuyết tật nhẹ là người khuyết tật không thuộc trường hợp quy định của hai mức độ trên.

Cũng theo *Luật Người khuyết tật* (2010), *GDHN là phương thức giáo dục chung người khuyết tật với người không khuyết tật trong cơ sở giáo dục*. Theo đó, GDHN có một số đặc trưng cơ bản như: 1) Giáo dục cho mọi đối tượng học sinh, không phân biệt giới tính, dân tộc, tôn giáo, điều kiện kinh tế, thành phần xã hội; 2) Học sinh đi học ở cơ sở giáo dục tại nơi các em đang sinh sống; 3) Không đánh đồng mọi học sinh, mỗi học sinh là khác nhau; 4) Điều chỉnh phù hợp với khả năng và nhu cầu của học sinh về mục tiêu, nội dung, phương pháp, đánh giá kết quả giáo dục [10].

2.1.3. Chính sách GDHN đối với người khuyết tật

Trên cơ sở khái niệm về chính sách giáo dục và GDHN, có thể hiểu, *chính sách GDHN đối với người khuyết tật là sự thể hiện quan điểm, đường lối với tập hợp các biện pháp can thiệp về GDHN đối với người khuyết tật được thể chế hóa của Nhà nước, ngành GD&ĐT đưa ra nhằm đạt được mục tiêu quản lý thuộc lĩnh vực GDHN cho người khuyết tật*.

Như vậy, nội hàm của khái niệm này thể hiện ở một số vấn đề cơ bản sau:

- Đây là quan điểm của Đảng, Nhà nước, ngành GD&ĐT về GDHN đối với người khuyết tật học hoà nhập trong các nhà trường mầm non, phổ thông và các cấp học cao hơn khác (cao đẳng, đại học).

- Chính sách bao gồm tập hợp các biện pháp về phương diện quản lý của các cơ quan quản lý giáo dục các cấp trên cơ sở thể chế hoá các văn bản quy định của Nhà nước, phù hợp với các cấp quản lý khác nhau và phù hợp với mục tiêu của GDHN.

- Mục tiêu GDHN đối với người khuyết tật ở nước ta bảo đảm phù hợp với mục tiêu chung theo Công ước quốc tế về Quyền của Người khuyết tật đã được Nhà nước ký kết vào năm 2016, đó là bảo đảm thực hiện các Quyền của người khuyết tật, bảo đảm người khuyết tật có thể sống một cách độc lập, bình đẳng, hoà nhập và đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, xã hội.

2.2. Đặc điểm chính sách GDHN đối với người khuyết tật

Mặc dù GDHN được coi là một trong những nội dung của quá trình giáo dục nói chung song GDHN đối với người khuyết tật có các đặc thù nhất định. Vì vậy, chính sách GDHN đối với người khuyết tật cũng mang những đặc trưng nhất định. Điều này thể hiện ở một số đặc điểm sau:

2.2.1. Đối tượng chính của chính sách GDHN là người khuyết tật, giáo viên ở các nhà trường có người khuyết tật học hoà nhập, cá nhân và các tổ chức liên quan

Như trên đã đề cập, theo *Luật Người khuyết tật* (2010), hiện Việt Nam xác định có 06 dạng khuyết tật, bên cạnh đó có 03 mức độ khuyết tật cho mỗi dạng. Mỗi người khuyết tật ở các dạng và mức độ khác nhau có đặc điểm khác nhau về sự phát triển về thể chất, năng lực, nhu cầu, hứng thú, kinh nghiệm sống khác nhau ở gia đình, cộng đồng, nhà trường,... Mỗi người khuyết tật sẽ khác nhau về đi học hay không đi học đúng độ tuổi; được can thiệp hay không được can thiệp; khả năng nhận thức; cách học; tốc độ nhận thức, tốc độ học;...

Việc xác định một người là khuyết tật hay không phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, chẳng hạn như gia đình có chấp nhận xã hội cấp giấy chứng nhận khuyết tật cho con/em mình khi coi đó là vấn đề “gắn mác” của xã hội cho con/em họ; Giáo viên có thể hiện việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục và dạy học cho người khuyết tật theo các phương pháp đặc trưng của GDHN khi một người thực sự là khuyết tật song không có giấy chứng nhận khuyết tật và thực sự cần được hỗ trợ theo phương thức GDHN? Các cơ sở giáo dục (từ mầm non đến đại học), trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN, viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, cán bộ quản lý giáo dục các cấp cũng như các liên đới có thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của mình để thực hiện GDHN có chất lượng đối với người khuyết tật?

Xây dựng, ban hành một chính sách GDHN đáp ứng sự đa dạng của người khuyết tật, đồng thời, bảo đảm giáo viên lôi cuốn được cá nhân, tổ chức có liên quan thực hiện phương thức GDHN đối với người khuyết tật là một thách thức không nhỏ cho các nhà xây dựng chính sách.

2.2.2. Sự không tường minh, tính không nhất quán về mục tiêu GDHN với nhiều yếu tố ảnh hưởng khác nhau dẫn đến cách tiếp cận khác nhau trong xây dựng và ban hành chính sách GDHN đối với người khuyết tật

(1) Sự không tường minh về mục tiêu GDHN dẫn đến những tác động tích cực và tiêu cực trong xây dựng và ban hành chính sách GDHN đối với người khuyết tật

GDHN đối với người khuyết tật là một hệ thống đa mục tiêu, trong đó có những mục tiêu tường minh và có những mục tiêu không tường minh. Ví dụ, mục tiêu phát triển năng lực, kỹ năng sống, kỹ năng thích ứng, tinh thần trách nhiệm, có ý thức,... là những mục tiêu không tường minh. Mục tiêu không tường minh có thể có những tác động tích cực và tiêu cực trong quá trình chính sách GDHN đối với người khuyết tật.

- Những tác động tích cực:

- Cho phép nhà trường có thể tự chủ, mềm dẻo, linh hoạt trong việc đề ra hoặc điều chỉnh mục tiêu GDHN đối với người khuyết tật của chính nhà trường mình trong khi vẫn thực thi và bảo đảm tính hợp pháp của chính sách mà Nhà nước ban hành.

- Cho phép nhà trường thỏa hiệp với gia đình người khuyết tật, cộng đồng, các cơ quan quản lý giáo dục để giành sự ủng hộ khi thực hiện GDHN và chính sách GDHN đối với người khuyết tật được cho là xuất phát từ tính chất không rõ ràng của mục tiêu.

- Khích lệ giáo viên, các thành viên của nhà trường cũng như những người có liên quan cho việc thực hiện công việc và theo đuổi vào mục tiêu không rõ ràng của GDHN đối với người khuyết tật. Ví dụ, “dạy học dựa vào khả năng, nhu cầu, hứng thú của người khuyết tật”, “dạy học lấy hoạt động của người khuyết tật làm trung tâm”,... Điều này sẽ giúp cho giáo viên, nhà trường sẽ có ảnh hưởng lớn không chỉ về lĩnh vực chuyên môn, về mặt xã hội trong việc huy động sự ủng hộ của gia đình, cộng đồng, các nhà xây dựng chính sách mà còn có thể huy động được nguồn tài chính hỗ trợ lớn.

- Thúc đẩy chức năng xã hội của các nhà trường có người khuyết tật học hoà nhập. Nếu mối quan hệ giữa nhà trường và khách hàng (người khuyết tật, cha mẹ,...) hạn chế thì mục tiêu giáo dục không tường minh như phát triển năng lực, hình thành kỹ năng, giáo dục hành vi, đạo đức, thái độ,... lại là điểm mạnh, có sức thuyết phục của giáo viên, nhà trường đối với các bên liên quan.

- Những tác động tiêu cực:

- Khó đo đếm, do vậy, thiếu tiêu chuẩn khách quan để đánh giá kết quả của chính sách.

- Tính khích lệ cao của một số mục tiêu không tường minh đã gây ra kỳ vọng lớn cho gia đình người khuyết tật, song kỳ vọng này lại khó duy trì. Khi kết quả thực tế và mục tiêu không tường minh này được nhận biết, mọi người dễ hoang mang và cố gắng tìm kiếm những mục tiêu tường minh hơn.

- Do những khó khăn trong giám sát thực hiện và cần có thời gian dài để nhận biết kết quả của những mục tiêu không tường minh, nhiều mục tiêu không tường minh đã được thay thế bằng

những mục tiêu dễ đo đếm hơn, tường minh hơn.

- Khó trở thành hiệu quả cho quá trình xây dựng kế hoạch.

(2) *Tính không nhất quán của mục tiêu GDHN dẫn đến việc xây dựng và ban hành chính sách GDHN đối với người khuyết tật theo các cách tiếp cận khác nhau*

Bên cạnh sự đa dạng của người khuyết tật và tính không tường minh về mục tiêu GDHN đối với người khuyết tật đã nêu, sự thiếu thống nhất của mục tiêu GDHN cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc xây dựng và ban hành chính sách GDHN đối với người khuyết tật theo các cách tiếp cận khác nhau. Điều này được thể hiện ở cả cấp độ vĩ mô (cấp quản lý) và vi mô (cấp độ nhà trường).

Chẳng hạn, đối với cấp độ vĩ mô, sự phân loại, đánh giá mức độ khuyết tật và cấp giấy chứng nhận khuyết tật được dựa trên tiếp cận chính sách về hỗ trợ cho người khuyết tật như kinh phí, phương tiện, thiết bị hỗ trợ,... và khả năng tự phục vụ, khả năng lao động của người khuyết tật. Tuy nhiên, sự phân loại, đánh giá mức độ khuyết tật và cấp giấy chứng nhận khuyết tật lại thường không có nhiều ý nghĩa đối với chính sách đối với người khuyết tật trong lĩnh vực giáo dục ở cấp độ vi mô khi các nhà trường không thể thực hiện phương thức GDHN đối với người khuyết tật chỉ dựa trên giấy chứng nhận khuyết tật được cấp. Việc áp dụng phương thức GDHN hay không hoàn toàn dựa trên quyết định của giáo viên trực tiếp dạy học ở trong lớp học. Nhiều người khuyết tật không có giấy chứng nhận khuyết tật đã không được thụ hưởng bất cứ lợi ích nào từ một chính sách GDHN khi giấy chứng nhận mức độ khuyết tật là một yêu cầu bắt buộc cho việc bảo đảm chính sách có hiệu lực.

2.3. Xây dựng, ban hành và thực thi chính sách GDHN đối với người khuyết tật chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố khác nhau

Mục tiêu GDHN đối với người khuyết tật đưa ra có thể được tiếp cận theo các giá trị khác nhau, do đó, hiểu và đưa ra các tiêu chuẩn, tiêu chí đo đạc, đánh giá khác nhau và khó có thể tạo ra được sự đồng nhất trong xây dựng, ban hành và thực hiện.

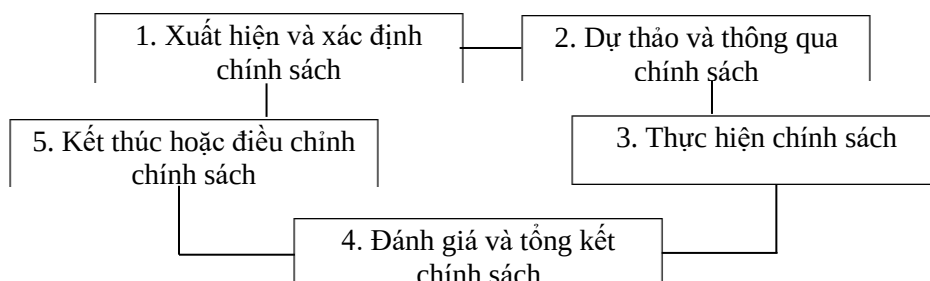
Do tính đặc thù của GDHN đối với người khuyết tật, công việc của nhà trường, giáo viên được sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ và ý kiến khác nhau của các tầng lớp xã hội, đặc biệt là của cha mẹ, các thành viên gia đình của người khuyết tật.

Ở cấp độ vĩ mô, quá trình chính sách GDHN đối với người khuyết tật thường gặp như: Thiếu thông tin dự báo và thông tin phản hồi; Thiếu cứ liệu phân tích và những phương án giải quyết, đặc biệt là vấn đề chi phí – lợi ích; Xu thế mất cân bằng giữa thay đổi từ từ và bước nhảy vọt trong hệ thống và đặc biệt là sự thay đổi của Chương trình giáo dục khi phương thức GDHN dựa chủ yếu vào sự điều chỉnh chương trình giáo dục hiện hành bảo đảm phù hợp với người khuyết tật học hoà nhập.

Hệ thống giáo dục đang chuyển biến mạnh mẽ về phân cấp quản lý. Cùng với những nhà làm chính sách GDHN đối với người khuyết tật, giáo viên, thành viên chính quyền địa phương, cộng đồng, gia đình học sinh và ngay cả người khuyết tật, còn bao gồm các nhà quản lý trong các hệ thống và những bên liên quan khác như: Y tế, Lao động – Thương binh và Xã hội, Tài chính, Nội vụ,... Sự tham gia của tất cả thành viên vào quá trình chính sách có ý nghĩa quan trọng cho sự thành công của chính sách GDHN đối với người khuyết tật.

2.4. Nội dung của quá trình chính sách GDHN đối với người khuyết tật

Harman (1985) xem xét quá trình chính sách gồm 5 giai đoạn: (i) Sự xuất hiện vấn đề và xác định vấn đề chính sách; (ii) Dự thảo và thông qua chính sách; (iii) Thực hiện chính sách; (iv) Đánh giá và tổng kết chính sách; (v) Kết thúc hoặc điều chỉnh chính sách [8]. Bài viết vận dụng chu trình chính sách của Harman vào nghiên cứu quá trình chính sách GDHN đối với người khuyết tật ở Việt Nam.



Sơ đồ 1. Quá trình chính sách GDHN đối với người khuyết tật

- Bước 1. Sự xuất hiện vấn đề và xác định vấn đề chính sách GDHN đối với người khuyết tật

▪ Sự xuất hiện vấn đề:

Câu hỏi: Những vấn đề chính sách GDHN đối với người khuyết tật được xuất hiện như thế nào và làm thế nào để những vấn đề được đưa vào chương trình nghị sự của các nhà làm chính sách?

Vấn đề chỉ xuất hiện khi hội đủ các điều kiện: (i) Mức độ phổ biến của vấn đề; (ii) Tính cấp bách của vấn đề; (iii) Đối tượng chịu ảnh hưởng của vấn đề (trực tiếp hay liên đới); (iv) Mức độ quan tâm giải quyết vấn đề của các liên đới; (v) Khả năng của tổ chức trong việc giải quyết vấn đề.

Có 04 cách mà vấn đề chính sách GDHN đối với người khuyết tật được đưa ra thảo luận: (i) Những nhà chính trị đưa ra (thường là những người chịu trách nhiệm về việc xây dựng và ban hành chính sách); (ii) Vấn đề được một nhóm người đưa ra vì chính quyền lợi của họ (giáo viên, cha mẹ người khuyết tật, người khuyết tật, Hiệp hội cho và vì người khuyết tật,...); (iii) Vấn đề được đưa ra do sự xuất hiện của những sự kiện không lường trước được (bệnh dịch, tai nạn, thiên tai,...); (iv) Vấn đề xuất hiện bởi một nhóm người không vì lợi ích riêng của họ (nhà chuyên môn thuộc lĩnh vực GDHN, xã hội học, tâm lí học, y tế,...).

▪ Tìm hiểu vấn đề

Gồm các yếu tố: Nguồn thông tin quản lí; Phân tích thành phần dân cư; Chỉ số xã hội và số liệu xã hội học; Phân tích tài liệu; Đánh giá các chính sách hiện hành.

▪ Lựa chọn vấn đề chính sách GDHN đối với người khuyết tật

- **Bối cảnh của vấn đề:** Được xác định bằng thời gian dành cho phân tích tầm quan trọng của vấn đề, tính mâu chốt của vấn đề.

- **Đặc tính bản chất của vấn đề:** Là cơ sở của sự lựa chọn được xác định bằng các chỉ số như sự nhất trí về vấn đề, tính phức hợp của vấn đề, tính xác định của vấn đề và các tiêu chuẩn giá trị để xét đoán vấn đề.

- **Tác động của vấn đề:** Được xác định bởi mức độ tác động của vấn đề đối với số lượng người bị tác động, nhóm người bị tác động, mức độ bị ảnh hưởng, sự liên quan của vấn đề đã xác định với những vấn đề khác.

- **Chi phí cho sự phân tích:** Được xác định bởi nguồn lực, thời gian cần thiết cho phân tích vấn đề, mức độ chi phí và lợi ích của việc phân tích.

▪ Xác định các vấn đề ưu tiên của chính sách GDHN đối với người khuyết tật

Bảng 1. Ma trận xác định các vấn đề ưu tiên của chính sách GDHN đối với người khuyết tật

TT	Vấn đề	Bối cảnh			Đặc tính				Tác động				Chi phí				Tổng điểm
		1	2	3	1	2	3	4	1	2	3	4	1	2	3	4	
1.	CSVC, phương tiện, thiết bị dành cho GDHN	-	+	+	+	+	-	+	-	-	+	+	+	-	+	+	+10

2.	Năng lực đội ngũ GV và động lực làm việc về GDHN đối với người khuyết tật	-	-	+	-	+	+	-	-	-	-	+	+	+	-	-	-3
3.	Việc thực thi các chủ trương của nhà trường đối với giáo viên, người khuyết tật	+	+	+	-	+	-	+	-	-	+	+	-	+	-	-	+1
4.	Năng lực lãnh đạo và quản lí của CBQL nhà trường theo phương thức GDHN	-	+	+	-	+	+	+	+	-	+	+	-	+	+	-	+5
5.		..	..	..	..	..	..	..	..	..	..	..	..	..	..	..	...

Ghi chú: * Dấu (+): Vấn đề đã đạt tiêu chuẩn; * Dấu (-): Vấn đề không đạt chuẩn;

*Tổng điểm: Tổng của (+) và (-); * Quy đổi nhân hệ số (nếu cần).

Mỗi giai đoạn sẽ có các vấn đề và số lượng vấn đề ưu tiên khác nhau. Không một quốc gia nào, dù giàu có nhất trên thế giới cũng có khả năng giải quyết tất cả mọi vấn đề chính sách trong cùng một thời gian.

- Bước 2. Xây dựng văn bản chính sách và thông qua văn bản chính sách GDHN đối với người khuyết tật

▪ Xây dựng văn bản chính sách

Xây dựng văn bản chính sách nói chung, chính sách GDHN đối với người khuyết tật thường bao gồm nhiều thành tố như xác định mục tiêu, hình thành khung chính sách, thể hiện nội dung văn bản.

(i) Xác định mục tiêu:

Quá trình xác định mục tiêu cần trả lời được các câu hỏi sau:

- Trả lời các câu hỏi của công cụ phân tích môi trường về điểm mạnh – điểm yếu – cơ hội – thách thức (Strength – Weakness – Opportunity – Threat/SWOT).

- Những hoạt động nào cần thực hiện? Ai là người thực hiện? Thực hiện ở những cấp độ nào? Làm thế nào để biết được những người thực hiện chính sách biết được là họ đang thực hiện chính sách?

- Kết quả của thực hiện chính sách ở mức độ tối thiểu là gì? Làm thế nào để biết là sẽ đạt được kết quả? Những điều kiện cần thiết nào để đảm bảo đạt kết quả?

- Những phương án thay thế nào khi thực thi một chính sách không có hiệu quả trong thực tiễn?

Mục tiêu của chính sách thường được biểu đạt bằng các định hướng hoặc các tiêu chí/chỉ tiêu cơ bản, tức là kết quả mong đợi đạt được khi thực thi chính sách trong thực tiễn.

(ii) Đề xuất và lựa chọn các phương án:

Bước này có thể bao gồm các công việc như: đề xuất các phương án, xác định các phương án, đánh giá và so sánh các phương án với nhau dựa trên các tiêu chuẩn xác định, phân tích tính

khả thi của các phương án và trình bày các phương án cho các nhà ra quyết định chính sách.

Cần lưu ý khi phân tích tính khả thi của các phương án chính sách:

- Tính khả thi có thể chỉ xem xét về mặt kỹ thuật, về kinh tế và về chính trị. Tuy nhiên, tính khả thi của chính sách GDHN đối với người khuyết tật còn được xem xét dưới góc độ nhân văn.

- Lợi ích của các phương án cần được xem xét cụ thể như: Lợi ích đó là gì? Ai là người được hưởng lợi ích của chính sách đó mang lại? Có ai bị thiệt hại khi chấp nhận phương án không? Cái gì rõ và không rõ về chi phí và lợi ích của phương án không? Chi số thời gian của mỗi phương án?

(iii) Trình bày nội dung văn bản chính sách

Trình bày nội dung văn bản chính sách được thực hiện theo quy chuẩn chung đối với từng loại văn bản chính sách: Luật, Nghị định, Thông tư (liên tịch và chuyên ngành), các văn bản quy phạm pháp luật khác. Vai trò của pháp chế đối với công việc này là mang tính bắt buộc.

▪ *Thông qua chính sách*

Việc quyết định có ban hành chính sách này hay không lại là công việc của các nhà quyết định chính sách (nhà chính trị).

Tuy nhiên, các nhà quyết định ban hành chính sách thì thường lại không tham gia nhiều vào quá trình chính sách. Vì vậy, đối với những người trực tiếp làm chính sách thì cách tốt nhất là lôi kéo các nhà ban hành quyết định chính sách tham gia thường xuyên vào quá trình chính sách.

Đối với trình bày các phương án, chỉ cần chú trọng đến hai mục tiêu chính: (a) quá trình tiến hành các hoạt động để đưa ra các phương án chính sách; và (b) chi phí và lợi ích dưới dạng tóm lược.

Tùy từng loại văn bản chính sách, hiệu lực chính sách sẽ được thực hiện ngay lập tức hay cần chờ thêm thời gian để điều chỉnh, thực thi.

- Bước 3. Xây dựng kế hoạch triển khai chính sách GDHN đối với người khuyết tật

Ngay khi chính sách được lựa chọn, phải tiến hành ngay việc lập kế hoạch triển khai chính sách, bao gồm:

- Một thời gian biểu cho việc huy động nguồn nhân lực, thiết bị, kinh phí phải được xây dựng một cách chi tiết với sự phân công trách nhiệm đối với từng công việc/hoạt động trong thực thi chính sách.

- Nguồn cơ sở vật chất và tài chính phải được cung cấp đầy đủ để đảm bảo thực thi chính sách ngay thời điểm hiệu lực.

- Những người chịu trách nhiệm cho việc thực thi chính sách phải sẵn sàng cho các công việc.

- Tri thức về kỹ thuật cần thiết định hướng cho việc triển khai chính sách cần được tiếp thu và sẵn sàng ứng dụng.

- Hệ thống quản lý triển khai chính sách cần được thiết lập và chuẩn bị để thực thi nhiệm vụ.

Huy động sự ủng hộ về mọi mặt, cả về chính trị và đối tượng bị tách động bởi chính sách là điều cần được quan tâm, triển khai trong thực tiễn trước và trong khi chính sách có hiệu lực. Giai đoạn thử nghiệm phải được tiến hành trước một bước so với giai đoạn triển khai toàn bộ nhằm giúp tiết kiệm thời gian, tiền bạc và đảm bảo tính hiệu lực của chính sách.

- Bước 4. Đánh giá tác động chính sách GDHN đối với người khuyết tật

Đánh giá tác động chính sách là đánh giá những ảnh hưởng của chính sách đối với các đối tượng khác nhau (trực tiếp và gián tiếp) và đối với sự phát triển của nhà trường, ngành GD&ĐT và xã hội nói chung. Đánh giá tác động chính sách gồm hai loại: 1) Đánh giá tác động chính sách trước khi ban hành (Ex-Ante Assessment) là hoạt động phân tích, dự báo những tác động có thể có của chính sách sắp được ban hành, làm cơ sở để các nhà hoạch định chính sách lựa chọn phương án tối ưu để ban hành chính sách; 2) Đánh giá tác động sau khi ban hành chính sách (Ex-Post Assessment) là việc rà soát, xem xét các tác động do việc thực thi chính sách sau khi ban hành đã tạo ra, làm cơ sở để chỉnh sửa, hoàn thiện hoặc bãi bỏ chính sách.

Mục đích chính của đánh giá tác động chính sách là lấy ý kiến phản hồi với nhà hoạch định

chính sách chủ yếu thông qua kiểm chứng logic hệ thống chính sách. Kết quả đánh giá tác động chính sách và công tác thực thi sẽ được đối chiếu và liên hệ với nhau, đồng thời được công bố trước khi xây dựng dự toán và tăng cường đối chiếu với kết quả dự tính để phản ánh kết quả đánh giá vào kế hoạch giai đoạn tiếp theo.

- Bước 5. Kết thúc hoặc điều chỉnh chính sách GDHN đối với người khuyết tật

Sau khi đánh giá tác động chính sách và so sánh với mục tiêu của chính sách, nếu các mục tiêu đã đạt được thì quá trình thực hiện chính sách kết thúc.

Khi thực hiện một chính sách, mặc dù cơ bản đã đạt được mục tiêu nhưng vẫn đề mới lại xuất hiện thì lại đòi hỏi phải có một chính sách mới. Trong trường hợp này, quá trình chính sách lại bắt đầu từ một chu trình mới, mục tiêu mới trong điều kiện mới.

Như vậy, kết thúc hoặc điều chỉnh chính sách về mục tiêu, phương án thực hiện phụ thuộc vào việc mục tiêu chính sách có đạt được hay không và tình hình kinh tế-xã hội thời điểm đó có đòi hỏi phải tiếp tục tiến hành thực hiện chính sách đó nữa hay không. Nhiều chính sách ngay cả trong quá trình thực hiện đã xuất hiện những đòi hỏi cần phải điều chỉnh hay triển khai một chính sách mới. Quá trình chính sách, vì vậy, luôn luôn biến động, có thể lại bắt đầu và một chu trình chính sách mới lại đi vào hoạt động.

2.5. Tác động và định hướng chính sách GDHN đối với người khuyết tật ở Việt Nam

2.5.1 Tác động của chính sách GDHN đối với người khuyết tật ở Việt Nam

Trong thời gian qua, chính sách giáo dục người khuyết tật ở Việt Nam đã có những tác động tích cực, mang lại những thành tựu quan trọng về những mặt chủ yếu như sau:

a. Hệ thống quản lý GDHN đối với người khuyết tật được hình thành và dần đi vào hoạt động có hiệu quả

Từ khi Luật Người khuyết tật (2010) chính thức có hiệu lực, đã có hàng chục văn bản dưới Luật của các bộ ngành (đặc biệt là của Bộ GD&ĐT) đã được ban hành hướng dẫn thực hiện các điều khoản trong Luật. Ban chỉ đạo giáo dục người khuyết tật từ cấp Bộ đến cấp Sở GD&ĐT được thành lập ở cả 63 tỉnh thành và đã đi vào hoạt động. Hàng năm, Bộ GD&ĐT đều có các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học, trong đó có hướng dẫn cụ thể nội dung GDHN đối với người khuyết tật của nhà trường.

b. Quy mô giáo dục người khuyết tật ngày càng được mở rộng, số lượng người khuyết tật đi học theo phương thức GDHN tăng nhanh

Theo thống kê của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, năm 1996, cả nước mới có 42.000 người khuyết tật được đi học thì gần 30 năm sau - năm 2023 đã có khoảng gần 1.200.000 người khuyết tật được đến trường, với khoảng 94% người khuyết tật học theo phương thức GDHN, số người khuyết tật đi học không chỉ tập trung ở cấp mầm non và tiểu học, trung học mà còn có một số đang học các trình độ đào tạo như dạy nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học. GDHN được Bộ GD&ĐT xác định là hướng đi chủ yếu để thực hiện Quyền được giáo dục cho người khuyết tật từ năm học 2001-2002 và đến nay, GDHN người khuyết tật đã được triển khai ở tất cả nhà trường trên toàn quốc.

c. Mạng lưới các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giáo viên cho giáo dục người khuyết tật được hình thành và phát triển

Hiện nay trong cả nước, có ba trường đại học đang đào tạo giáo viên Giáo dục đặc biệt (Trường ĐHSP Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh và Trường Đại học Thủ đô Hà Nội), nhiều trường đại học, cao đẳng sư phạm bồi dưỡng cấp chứng chỉ nghiệp vụ GDHN đối với người khuyết tật. Hàng nghìn giáo sinh đã được đào tạo chính quy về giáo dục người khuyết tật và đang làm việc trực tiếp trong các cơ sở giáo dục người khuyết tật hoặc làm việc trực tiếp với người khuyết tật. Đặc biệt, duy nhất cho đến nay, Khoa Giáo dục đặc biệt, Trường ĐHSP Hà Nội đã đào tạo ngành Giáo dục đặc biệt trình độ thạc sĩ (từ năm 2012), trình

độ tiến sĩ (từ năm 2018) và ngành Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trình độ đại học (từ năm học 2020-2021).

Ban chỉ đạo giáo dục người khuyết tật của Bộ GD&ĐT đã chú trọng việc xây dựng hệ thống các Trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN với mục tiêu đến năm 2030, có 50% các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thành lập Trung tâm hỗ trợ phát triển GDN. Hiện tại, đã có hơn 20 trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN cấp tỉnh và quận/huyện được thành lập mới và được nâng cấp từ các cơ sở giáo dục chuyên biệt. Các trung tâm này đã hoạt động có hiệu quả trong hỗ trợ trực tiếp cho người khuyết tật, chuyển giao kiến thức, kỹ năng chăm sóc, giáo dục người khuyết tật tới nhà trường, gia đình người khuyết tật, cộng đồng và các cá nhân có liên quan đến người khuyết tật.

d. Các chương trình đào tạo giáo viên GDHN đối với người khuyết tật được xây dựng và bước đầu sử dụng có hiệu quả

Chương trình đào tạo giáo viên trình độ cử nhân đại học và cao đẳng, thạc sĩ, tiến sĩ về giáo dục đặc biệt theo định hướng GDHN đã được biên soạn, ban hành và bước đầu sử dụng có hiệu quả; chương trình bồi dưỡng cán bộ QLGD, giáo viên dạy hòa nhập các cấp học mầm non, tiểu học và trung học đã được biên soạn và ban hành từng bước đáp ứng nhu cầu thực tiễn giáo dục người khuyết tật. Hệ thống giáo trình và tài liệu đào tạo, bồi dưỡng giáo viên về can thiệp giáo dục sớm và GDHN người khuyết tật ngày càng đầy đủ và hoàn thiện hơn.

Chính sách GDHN ở nước ta đang được xây dựng dựa trên các định hướng cơ bản sau:

Thứ nhất: Với quan điểm xây dựng một xã hội công bằng, tạo cơ hội bình đẳng trong giáo dục, Nhà nước Việt Nam luôn thể hiện sự quan tâm ưu tiên đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, khu vực miền núi, bản thân bị khuyết tật, con hộ đói nghèo ở nông thôn và thành thị, con liệt sĩ, thương/bệnh binh và người thương/bệnh binh,...

Thứ hai: Chính sách đề cập tới quyền học tập bắt buộc đối với trẻ em, bao gồm cả trẻ khuyết tật.

Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam ghi rõ: “Học tập là quyền và nghĩa vụ của mọi công dân”. Luật Giáo dục 2005, Điều 11. Phổ cập giáo dục: 1. Giáo dục tiểu học và giáo dục trung học cơ sở là các cấp học phổ cập. Nhà nước quyết định kế hoạch phổ cập giáo dục, bảo đảm các điều kiện để thực hiện phổ cập giáo dục trong cả nước; 2. Mọi công dân trong độ tuổi quy định có nghĩa vụ học tập để đạt trình độ giáo dục phổ cập; 3. Gia đình có trách nhiệm tạo điều kiện cho các thành viên của gia đình trong độ tuổi quy định được học tập để đạt trình độ giáo dục phổ cập.

Thứ ba: Thực hiện Quyền học tập bắt buộc đối với mọi trẻ em, bao gồm người khuyết tật, cần phải đảm bảo những điều kiện về học tập và chất lượng giáo dục như hỗ trợ tài chính, nguồn lực, quản lý, chương trình giáo dục và các vấn đề khác.

Quyền học tập bắt buộc đối với mọi trẻ em được thể hiện trong các văn bản pháp luật cao nhất của Nhà nước như Luật Giáo dục, Luật Người khuyết tật và các văn bản dưới Luật. Trong đó, Bộ GD&ĐT có trách nhiệm đào tạo giáo viên, biên soạn chương trình, giáo trình, sách giáo khoa áp dụng cho học sinh khuyết tật và chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho GDHN đối với người khuyết tật.

Thứ tư: Xây dựng một chính sách giáo dục người khuyết tật tổng thể, đảm bảo sự cam kết thực hiện của các Bộ, ban, ngành nhằm đảm bảo tính thực thi của chính sách.

Xây dựng chính sách giáo dục hòa nhập giúp cho một giai đoạn phát triển mới của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Đảng và Nhà nước ta trong tiến trình tiến tới một nền giáo dục cho mọi học sinh nói chung và người khuyết tật nói riêng.

Luật Giáo dục 2019 (bắt đầu chính thức có hiệu lực vào 01/7/2020), tại điều 15. Quy định:

- GDHN là phương thức giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu và khả năng khác nhau của người học; bảo đảm quyền học tập bình đẳng, chất lượng giáo dục, phù hợp với nhu cầu, đặc điểm và khả năng của người học; tôn trọng sự đa dạng, khác biệt của người học và không phân biệt đối xử.

- Nhà nước có chính sách hỗ trợ thực hiện GDHN cho người học là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định của Luật Trẻ em, người học là người khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Tại khoản 2, điều 11 của Luật Giáo dục 2019 quy định: “Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để dân tộc thiểu số được học tiếng nói, chữ viết của người dân tộc mình theo quy định của Chính phủ; người khuyết tật nghe, nói được học bằng ngôn ngữ kí hiệu, người khuyết tật nhìn được học bằng chữ nổi Braille theo quy định của Luật Người khuyết tật”.

Đồng thời, nhiều nội dung của Luật Giáo dục 2019 cũng có những quy định cụ thể đối với giáo dục người khuyết tật như độ tuổi đi học được phép chậm hơn so với độ tuổi đi học thông thường, chính sách trợ cấp và miễn, giảm học phí,...; trường, lớp dành cho người khuyết tật; chính sách đối với nhà giáo thực hiện GDHN;...

2.5.2. Định hướng chính sách GDHN đối với người khuyết tật ở Việt Nam

Định hướng chính sách giáo dục người khuyết tật Việt Nam, của ngành GD&ĐT nước ta bao gồm các nội dung chính sau [11]:

a. Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và đánh giá các chương trình, đề án về giáo dục và GDHN đối với người khuyết tật

Tổng kết, đánh giá 10 năm thi hành nội dung về giáo dục trong Luật người khuyết tật (2010) và đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung Luật Người khuyết tật cho phù hợp với thực tiễn và Công ước của Liên hợp quốc về Quyền của Người khuyết tật.

Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục người khuyết tật.

Kiểm tra, đánh giá và hướng dẫn địa phương thực hiện các văn bản về giáo dục người khuyết tật.

Ban hành danh mục thiết bị tối thiểu, đồ dùng, đồ chơi đặc thù; các quy định về chuẩn, tiêu chuẩn trang thiết bị phục vụ giáo dục người khuyết tật.

Nghiên cứu đề xuất nội dung về giáo dục người khuyết tật với các Chương trình, đề án liên quan đến người khuyết tật giai đoạn 2021-2030.

b. Tăng cường các điều kiện nâng cao chất lượng GDHN đối với người khuyết tật

Phát triển chương trình, tài liệu hỗ trợ giáo dục người khuyết tật theo tiếp cận Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ GD&ĐT ban hành năm 2018.

Phát triển chương trình, tài liệu và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về phát hiện, can thiệp, chăm sóc và giáo dục người khuyết tật.

Biên soạn và triển khai nội dung GDHN trong các Chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên tại các trường đại học và cao đẳng có đào tạo giáo viên.

c. Thực hiện quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN đối với người khuyết tật

Thực hiện Quyết định số 427/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 [12], theo đó, mục tiêu của quy hoạch bao gồm:

- Phát triển hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN đủ năng lực, quy mô, đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ giáo dục có chất lượng cho tất cả người khuyết tật; thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục.

- Là công cụ hiệu quả, hiệu lực của Nhà nước để tổ chức không gia, quản lý hệ thống hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN.

- Là cơ sở để đưa ra lộ trình và triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn có hiệu quả trên địa bàn cả nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước nhằm phát triển hệ thống hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN.

- Là cơ sở để khuyến khích, huy động các nguồn lực cộng đồng, xã hội hoá phát triển hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục, đáp ứng nhu cầu học tập của mọi người khuyết tật, hướng tới mục tiêu công bằng xã hội trong giáo dục người khuyết tật.

d. Phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ GDHN đối với người khuyết tật

Hướng dẫn, hỗ trợ việc thành lập và tổ chức hoạt động của Trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN, bao gồm: tổ chức bộ máy; hoạt động; giáo viên, nhân viên; trẻ em, học sinh và học viên; tài chính và tài sản; quan hệ giữa trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN với các cơ quan tổ chức khác [13].

Hướng dẫn, hỗ trợ việc thành lập và tổ chức hoạt động của Phòng hỗ trợ GDHN trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông với các định hướng cơ bản sau [14]:

- Căn cứ vào điều kiện của CSGD và nhu cầu hỗ trợ của người khuyết tật học hoà nhập, CSGD bố trí phòng hỗ trợ GDHN để thực hiện hoạt động hỗ trợ người khuyết tật học hoà nhập.

- Phòng hỗ trợ GDHN có thiết bị đặc thù, học liệu, công cụ xác định mức độ phát triển cá nhân của người khuyết tật để tổ chức các hoạt động nhằm phát triển khả năng của người khuyết tật.

- Thực hiện các nội dung hỗ trợ GDHN đối với người khuyết tật: bổ sung kiến thức; phát triển kỹ năng đặc thù để học hoà nhập có hiệu quả cho người khuyết tật; tư vấn hỗ trợ GDHN cho giáo viên, nhân viên hỗ trợ, cha mẹ, các thành viên khác; hỗ trợ nhà trường trong việc phối hợp với trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN cấp tỉnh;...

3. Kết luận

Với các kết quả nghiên cứu chính về chính sách GDHN đối với người khuyết tật đã đề cập trong nội dung bài viết, chúng tôi cho rằng, chính sách giáo dục nói chung, chính sách GDHN đối với người khuyết tật là một quá trình liên tục, không ngừng nghỉ, có hiệu quả, hiệu lực đặc trưng cho mỗi giai đoạn phát triển của đất nước, của ngành GD&ĐT, của chính bản thân người khuyết tật và của nhiều liên đới tổ chức, cá nhân khác.

Mặc dù chính sách GDHN đối với người khuyết tật ở nước ta được coi là khá đầy đủ cho việc tạo hành lang pháp lý để thực hiện phương thức GDHN, đồng thời đã có những tác động tích cực trong thực tiễn với kết quả cụ thể cuối cùng là hầu hết người khuyết tật được bảo đảm quyền học tập, học tập có chất lượng, hiệu quả trong môi trường GDHN, song để nâng cao hơn nữa tính hiệu lực, hiệu quả của chính sách GDHN đối với người khuyết tật hiện nay, chúng tôi cho rằng:

1) Cần đảm bảo sự tham gia và đảm bảo trách nhiệm trong xây dựng và thực hiện chính sách GDHN đối với người khuyết tật của tất cả bên liên quan.

2) Xây dựng và ban hành chính sách GDHN đối với người khuyết tật ở nước ta cần xác định được các vấn đề trọng tâm, từ đó tập trung đầu tư, đảm bảo nguồn lực về cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật, tài chính, công nghệ và tiến hành từng bước nhằm đảm bảo hiệu quả, hiệu lực của chính sách.

3) Tăng cường công tác giám sát thực hiện chính sách GDHN đối với người khuyết tật của các cơ quan quản lý Nhà nước các cấp, đặc biệt là có sự tham gia giám sát của cộng đồng, chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội, của chính những đối tượng thụ hưởng chính sách (người khuyết tật, giáo viên, cha mẹ/người giám hộ của người khuyết tật,...).

4) Đối với một nước vừa thoát khỏi mức thu nhập thấp sang thu nhập trung bình như Việt Nam, tính bền vững của một chính sách cần được xem xét một cách cẩn trọng và việc thực hiện điều chỉnh chính sách khi cần thiết.

5) Học tập kinh nghiệm, tham chiếu xu hướng chính sách trong GDHN đối với người khuyết tật của các nước phát triển, các nước có sự tương đồng nhất định về điều kiện kinh tế-xã hội, mức thu nhập, trình độ dân trí,... là hết sức quan trọng cho quá trình chính sách nói chung và chính sách GDHN đối với người khuyết tật nói riêng ở nước ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] NX Hai, NTT Hang, ĐT Thao & LTT Hang, (2020). Policies on Inclusive Education for Children with Disabilities in Vietnam. *American Scientific Research Journal for Engineering, Technology, and Sciences (ASRJETS)*, 72(1),162-180.
- [2] BT Lâm & HT Nho, (2012). *Giáo trình Giáo dục hòa nhập*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [3] LTB Lý, BT Lâm & HT Nho, (2023). *Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở trường mầm non*. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
- [4] Hai NX, Richard A. Villa et al, (2020). Inclusion in Vietnam: More than a Quarter Century of Implementation. *IEJEE/International Electronic Journal of Elementary Education*, 12(3), 257-264.
- [5] PL Cường & NV Hưng, (2023), “Chính sách giáo dục hòa nhập ở Việt Nam”. *Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam*, 19(94), 1-7.
- [6] ĐT Thảo, NX Hải, PT Long, NQ Uẩn & BT Hợp, (12/2024), Áp dụng thiết kế tổng thể cho việc học tập trong vận dụng và triển khai chính sách giáo dục hòa nhập ở Việt Nam – Thực trạng và giải pháp, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 69(5A), 3-14.
- [7] *Từ điển Bách khoa Việt Nam* (2011) - Tái bản. NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
- [8] NX Hải, (2018). *Chính sách giáo dục. Kỷ yếu hội thảo quốc gia về Chính sách Giáo dục hoà nhập: thực tiễn và sự thúc đẩy cho Việt Nam*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội Hà Nội, 14-31.
- [9] Quốc hội, (2010). *Luật số 51/2010/QH12 ngày 17/6/2010 ban hành Luật Người khuyết tật*, Hà Nội.
- [10] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2005). *Giáo dục hoà nhập học sinh khuyết tật*, Tài liệu tập huấn giáo viên tiểu học, (2 tập), Hà Nội.
- [11] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2018). *Quyết định số 338/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch giáo dục người khuyết tật giai đoạn 2018-2020*, Hà Nội.
- [12] Chính phủ, (2021). *Quyết định số 427/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Hà Nội.
- [13] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2018). *Thông tư số 20/2022/TT-BGDĐT ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập*, Hà Nội.
- [14] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2018). *Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về GDHN đối với người khuyết tật*, Hà Nội.